Vietnam Journal of Community Medicine, Vol 63, No 5 (2022) 183-190

RESULTS OF CONTINUOUS TRAINING AND SOME RELATED FACTORS IN BACH MAI HOSPITAL, 2020-2021

Nguyen Thu Trang[1], Dao Van Dung[2,3], Tran Thi Ly[4,*]

[1]*Bach Mai Hospital - 78 Giai Phong, Hai Ba Trung, Hanoi, Vietnam*
[2]*Thang Long University - Nghiem Xuan Yem, Dai Kim, Hoang Mai, Hanoi, Vietnam*
[3]*Insitute of Community Health - 24 Lieu Giai, Ba Dinh, Hanoi, Vietnam*
[4]*National Lung Hospital - 463 Hoang Hoa Tham, Vinh Phu, Ba Dinh, Hanoi, Vietnam*

Received 06/06/2022
Revised 11/07/2022; Accepted 16/08/2022

ABSTRACT

Background: Continuing Medical Education (CME) is a form of training for students who have graduated from intermediate schools, colleges, universities and after universities. In Vietnam and some countries around the world, continuing training is mandatory for health workers.

Objective: Describe the results of continuous training and analyze some related factors at Bach Mai Hospital.

Methods: Cross-sectional study, quantitative research.

Results: This study collected information from 413 trainees, Bach Mai Hospital through questionnaires and retrospective data from student management records. The research results show that students' knowledge and ability to apply knowledge/skills are quite good.

Conclusion: The results of trainees at the end of the course are quite high (51.6%). The percentage of trainees who apply their trained knowledge/skills in practice is quite high (40-60% depending on the level of application). The rate of trainees giving a good assessment of the entire training activities is high (over 80%). There is a statistically significant relationship between age group, education level, occupation, employment status, trainees' field of study and results of assessment of contents of continuing training activities. ($p<0.05$).

Keywords: CME, Related factors; Trainees.

*Corressponding author
Email address: ly13021984@gmail.com
Phone number: (+84) 947 793 568
https://doi.org/10.52163/yhc.v63i5.443

KẾT QUẢ ĐÀO TẠO LIÊN TỤC VÀ MỘT SỐ YẾU TỐ LIÊN QUAN TẠI BỆNH VIỆN BẠCH MAI, NĂM 2020-2021

Nguyễn Thu Trang[1,*], Đào Văn Dũng[2,3], Trần Thị Lý[4,*]

[1]*Bệnh viện Bạch Mai - 78 Giải Phóng, Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam*
[2]*Trường Đại học Thăng Long - Nghiêm Xuân Yêm, Đại Kim, Hoàng Mai, Hà Nội, Việt Nam*
[3]*Viện Sức khỏe Cộng đồng - 24 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội, Việt Nam*
[4]*Bệnh viện Phổi Trung ương - 463 Hoàng Hoa Thám, Vĩnh Phú, Ba Đình, Hà Nội, Việt Nam*

Ngày nhận bài: 06 tháng 06 năm 2022
Chỉnh sửa ngày: 11 tháng 07 năm 2022; Ngày duyệt đăng: 16 tháng 08 năm 2022

TÓM TẮT

Đặt vấn đề: Đào tạo liên tục là hình thức đào tạo dành cho các đối tượng học viên đã tốt nghiệp từ trung cấp, cao đẳng, đại học và sau đại học. Tại Việt Nam và một số nước trên thế giới, đào tạo liên tục là bắt buộc đối với các nhân viên y tế [1].

Mục tiêu: Mô tả kết quả đào tạo liên tục và phân tích một số yếu tố liên quan tại Bệnh viện Bạch Mai.

Phương pháp: Điều tra cắt ngang, nghiên cứu định lượng.

Kết quả: Nghiên cứu thu thập thông tin từ 413 học viên, Bệnh viện Bạch Mai thông qua phát vấn bằng phiếu và hồi cứu số liệu từ hồ sơ quản lý học viên. Kết quả nghiên cứu cho thấy tỷ lệ xếp loại học tập, khả năng ứng dụng kiến thức/kỹ năng của học viên khá tốt.

Kết luận: Xếp loại học tập sau khóa học của học viên đạt loại khá là chủ yếu (51,6%). Tỷ lệ học viên áp dụng kiến thức/kỹ năng được đào tạo và thực tế công việc tại đơn vị khá cao (40-60% tùy mức độ áp dụng). Tỷ lệ học viên đánh giá tốt về toàn bộ hoạt động ĐTLT ở mức cao (trên 80%). Có mối liên quan có ý nghĩa thống kê giữa nhóm tuổi, trình độ học vấn, nghề nghiệp, tình trạng việc làm trước học, lĩnh vực học tập của học viên và kết quả đánh giá các nội dung thuộc hoạt động đào tạo liên tục ($p<0,05$).

Từ khóa: Đào tạo liên tục, yếu tố liên quan, học viên.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Đào tạo liên tục (ĐTLT) là các khóa đào tạo ngắn hạn, bao gồm: đào tạo bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ; cập nhật kiến thức y khoa liên tục (Continuing Medical Education - CME); phát triển nghề nghiệp liên tục (Continuing Professional Development - CPD); đào tạo chuyển giao kỹ thuật; đào tạo theo nhiệm vụ chỉ đạo tuyến và các khóa đào tạo chuyên môn nghiệp vụ khác cho cán bộ y tế mà không thuộc hệ thống văn bằng giáo dục quốc dân [1], [2].

Cơ sở đào tạo liên tục là các bệnh viện, viện có giường

*Tác giả liên hệ
Email: ly13021984@gmail.com
Điện thoại: (+84) 947 793 568
https://doi.org/10.52163/yhc.v63i5.443

bệnh; viện nghiên cứu; các cơ sở giáo dục chuyên nghiệp/dạy nghề y tế; các cơ sở giáo dục khác có đào tạo mã ngành thuộc khối ngành khoa học sức khỏe; các trung tâm có đào tạo nhân lực y tế [1], [2].

Các nước trên thế giới đều có quy định bắt buộc thầy thuốc phải cập nhật, bổ sung kiến thức liên tục, cập nhật những thông tin mới nhất về kỹ năng lâm sàng, kiến thức chuyên môn, tổ chức quản lý công việc, về đạo đức y học, giảng dạy, nghiên cứu. Ở nước ta, mọi cá nhân làm việc trong lĩnh vực y tế đều có nghĩa vụ tham gia học tập. Thủ trưởng các cơ sở y tế có trách nhiệm xây dựng kế hoạch, tổ chức cho cán bộ của mình được học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

Với vai trò của một bệnh viện đa khoa hạng đặc biệt trực thuộc Bộ Y tế, Bệnh viện Bạch Mai không chỉ là cơ sở khám chữa bệnh uy tín mà còn là địa chỉ đào tạo tin cậy cho nhân viên y tế trên toàn quốc. Tính đến năm 2020 Trung tâm Đào tạo - Chỉ đạo tuyến đã tổ chức, quản lý hơn 3.724 khóa ĐTLT cho 176.695 lượt NVYT với các trình độ chuyên môn từ bác sĩ, y tá, điều dưỡng viên, kỹ thuật viên… thuộc trên 1000 cơ sở KCB từ tuyến Trung ương đến cơ sở trên cả nước. Có nhiều hình thức ĐTLT tại Bệnh viện Bạch Mai như: đào tạo theo nhu cầu xã hội, đào tạo theo dự án, đề án, đào tạo luân vòng, đào tạo chuyển giao kỹ thuật… Trong đó, ĐTLT theo nhu cầu xã hội là loại hình đào tạo được nhiều học viên quan tâm nhất, đáp ứng nhanh nhất và đúng nhất nhu cầu đào tạo, góp phần nâng cao năng lực chuyên môn cho NVYT. Theo báo cáo tỷ lệ học viên tham gia ĐTLT tại Bệnh viện Bạch Mai có xu hướng tăng lên theo từng năm từ 40% đến 52%.

Để có cơ sở đề xuất giải pháp nhằm nâng cao chất lượng công tác ĐTLT tại BV Bạch Mai trong những năm tiếp theo, chúng tôi tiến hành nghiên cứu ***"Kết quả đào tạo liên tục và một số yếu tố liên quan tại Bệnh viện Bạch Mai, năm 2020-2021"*** với hai mục tiêu:

1. Mô tả kết quả đào tạo liên tục tại Bệnh viện Bạch Mai, năm 2020-2021.

2. Phân tích một số yếu tố liên quan đến kết quả đào tạo liên tục tại Bệnh viện Bạch Mai, năm 2020-2021.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Thời gian nghiên cứu: Từ tháng 01/10/2020 đến tháng 30/06/2021.

2.2. Địa điểm nghiên cứu: Bệnh viện Bạch Mai

2.3. Đối tượng nghiên cứu: Học viên học tại Bệnh viện Bạch Mai thông qua chương trình đào tạo và được sự quản lý của Trung tâm Đào tạo Chỉ đạo tuyến, Bệnh viện Bạch Mai trong thời gian nghiên cứu.

2.4. Phương pháp nghiên cứu: Mô tả cắt ngang, nghiên cứu định lượng

2.5. Cỡ mẫu và cách chọn mẫu

Chọn mẫu toàn bộ học viên tham gia ĐTLT theo hình thức đào tạo kèm cặp tại BV Bạch Mai, năm 2020-2021.

- Trên thực tế, nghiên cứu đã tiến hành khảo sát 413 học viên được đào tạo kèm cặp, với 14 khoá ĐTLT (thuộc 12 chương trình ĐTLT).

2.6. Phương pháp thu thập số liệu

- Hồi cứu số liệu từ hồ sơ quản lý học viên của Trung tâm ĐT&CĐT.

- Phiếu phát vấn cho học viên: Trước và sau khóa học.

2.7. Xử lý và phân tích số liệu

- Làm sạch, mã hoá và nhập bằng phần mềm Epi Data 3.1, sau đó xử lý thống kê bằng phần mềm SPSS 16.0.

- Phân tích mô tả (tỷ lệ phần trăm, trung bình, độ lệch chuẩn) được sử dụng để mô tả đặc đểm, kết quả ĐTLT của học viên.

- Thống kê phân tích: Kiểm định $\chi 2$ được sử dụng để xem xét mối liên quan giữa các biến.

2.8. Biến số nghiên cứu

- Kết quả ĐTLT của học viên

+ Kết quả xếp loại học tập học viên cuối khoá đào tạo.

+ Nhận định của học viên về mức độ áp dụng được những kiến thức/kỹ năng sau học vào thực tế công việc tại đơn vị.

+ Khó khăn khi áp dụng kiến thức/kỹ năng sau khóa học vào thực tế công việc tại đơn vị.

- Đánh giá của học viên về khóa học dựa trên 6 tiêu chí

+ Tiêu chí 1: Mục tiêu, nội dung đào tạo

+ Tiêu chí 2: Tổ chức, quản lý đào tạo

+ Tiêu chí 3: Giảng viên, phương pháp giảng dạy

+ Tiêu chí 4: Cán bộ quản lý

+ Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, tài liệu đào tạo

+ Tiêu chí 6: Kinh phí đào tạo phù hợp

+ Tiêu chí 7: Hiệu quả đào tạo

2.9. Cách đánh giá kết quả ĐTLT của học viên

- Thang đo Likert về kết quả ĐTLT của học viên đối với mỗi tiêu chí được áp dụng với thang điểm từ 1 điểm đến 5 điểm: (1 điểm-Rất kém; 2 điểm-Kém; 3điểm-Trung bình; 4 điểm-Tốt; 5 điểm-Rất tốt).

- Kết quả đánh giá của học viên về ĐTLT đối với mỗi tiêu chí trong phiếu khảo sát sẽ được mã hóa thành 2 nhóm:

+ Nhóm "Chưa tốt" : từ 1 - 3 điểm

+ Nhóm "Tốt" : từ 4 - 5 điểm

2.10. Đạo đức trong nghiên cứu

- Học viên được giải thích về mục đích, nội dung của nghiên cứu.

- Mọi thông tin về học viên được bảo mật. Các số liệu, thông tin thu thập được chỉ phục vụ cho mục đích nghiên cứu, không phục vụ cho mục đích nào khác.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Đặc điểm đối tượng nghiên cứu

Bảng 3.1. Thông tin chung về học viên

Thông tin chung (n= 413)	Tần số	Tỷ lệ %
Nhóm tuổi:		
< 30 tuổi	327	79,2
30-39 tuổi	75	18,1
≥ 40 tuổi	11	2,7
Giới tính:		
Nam	236	57,1
Nữ	177	42,9
Trình độ chuyên môn:		
Sau đại học	60	14,5
Đại học	118	28,6
Cao đẳng/Trung cấp	235	56,9
Chức danh chuyên môn:		
Bác sĩ	122	29,5
Y sĩ	83	20,1
Điều dưỡng/kỹ thuật viên	187	45,3
Khác	21	5,1
Tình trạng việc làm của học viên:		
Đã đi làm	236	57,1
Chưa đi làm	177	42,9

Nhận xét:

Học viên dưới 30 tuổi chiếm tỷ lệ cao nhất (79,2%), học viên là nam giới (57,1%). Về trình độ chuyên môn của học viên, cao nhất là cao đẳng, trung cấp (56,9%), đại học (28,6%), sau đại học (14,5%). Đối tượng học viên là bác sĩ (29,5), y sĩ (20,1%), điều dưỡng/kỹ thuật viên (45,3), đối tượng khác (5,1). Có tới 42,9% học viên là sinh viên mới tốt nghiệp chưa đi làm.

Bảng 3.2. Lĩnh vực và thời lượng tham gia ĐTLT của học viên

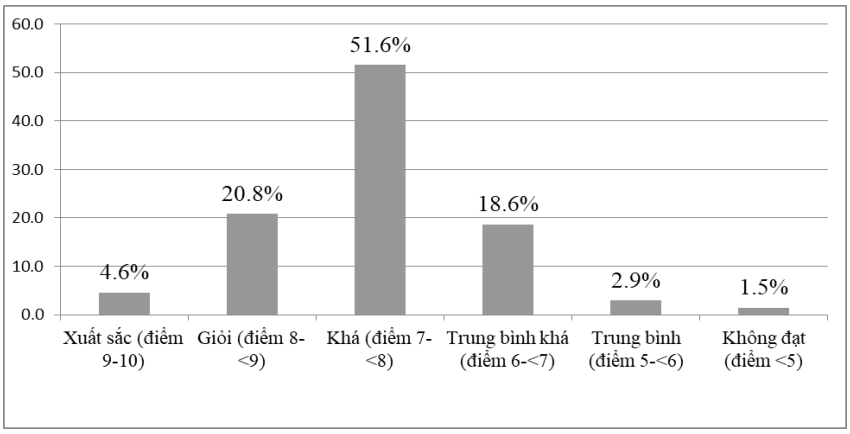
Thông tin chung (n= 413)	Tần số	Tỷ lệ %
Lĩnh vực đào tạo:		
Lâm sàng	*212*	*51,3*
Cận lâm sàng	*201*	*48,7*
Thời lượng đào tạo:		
Dưới 3 tháng	*0*	*0,0*
3 tháng	*360*	*87,2*
Trên 3 tháng	*53*	*12,8*

Nhận xét:

Học viên tham gia các khóa đào tạo về lâm sàng (51,3%), cận lâm sàng (48,7%). Thời lượng khóa đào tạo thu hút học viên tham gia học nhiều nhất là 3 tháng (87,2%), trên 3 tháng (12,8%).

3.2. Kết quả đào tạo liên tục của học viên

Biểu đồ 3.1. Xếp loại học tập cuối khóa của học viên (n=413)



Nhận xét:

Phần lớn học viên xếp loại khá (51,6%), loại giỏi (20,8%), trung bình khá (18,6%), loại xuất sắc (4,6%), trung bình (2,9%) và không đạt (1,5%).

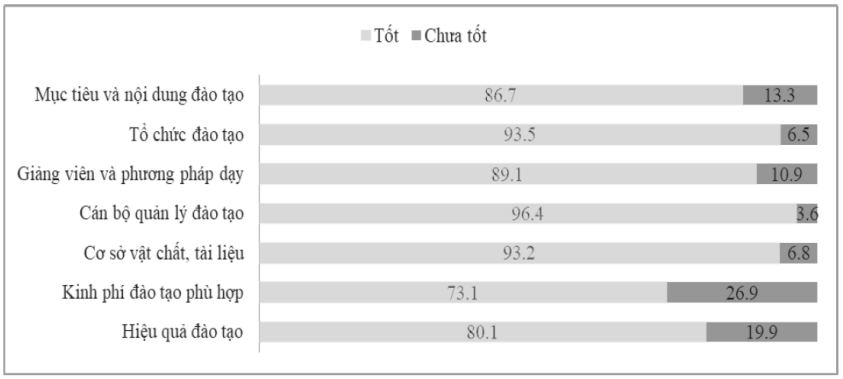
Bảng 3.3. Mức độ áp dụng kiến thức/kỹ năng của học viên tại đơn vị

Mức độ áp dụng	Số lượng (n)	Tỷ lệ (%)
Từ 80-100% kiến thức/kỹ năng	143	34,6
Từ 60-<80% kiến thức/kỹ năng	175	42,4
Từ 40-<60% kiến thức/kỹ năng	76	18,4
Dưới 40% kiến thức/kỹ năng	13	3,1
Không ý kiến	6	1,5
Tổng	**413**	**100,0**

Nhận xét:

Mức độ áp dụng kiến thức/kỹ năng sau từ 60-80% kiến thức/kỹ năng (42,4%), từ 80-100% kiến thức/kỹ năng (34,6%), từ 40-60% kiến thức/kỹ năng (18,4%), dưới 40% kiến thức/kỹ năng (3,1%).

Biểu đồ 3.2. Đánh giá của học viên về 7 tiêu chí đào tạo liên tục



Nhìn chung học viên đánh giá là tốt về toàn bộ hoạt động đào tạo liên tục, tiêu chí có tỷ lệ đánh giá "Tốt" cao nhất là Cán bộ quản lý đào tạo (96,4%). Tiêu chí có tỷ lệ đánh giá "Chưa tốt" cao nhất là kinh phí đào tạo phù hợp (26,9%).

3.3. Một số yếu tố liên quan đến kết quả đánh giá của học viên về ĐTLT

Bảng 3.4: Mối liên quan giữa lĩnh vực học tập của học viên và kết quả đánh giá về 7 tiêu chí thuộc hoạt động ĐTLT (n=413)

Nội dung đánh giá	Đánh giá tốt của học viên				OR	95% CI	p
	Cận lâm sàng (n=201)		Lâm sàng (n=212)				
	SL	%	SL	%			
Mục tiêu và nội dung đào tạo	153	44.1	194	55.9	0,296	0.165 – 0.53	**<0,05**
Tổ chức đào tạo	187	48.7	197	51.3	1,01	0.478 – 2.165	>0,05
Giảng viên và phương pháp giảng	155	43.8	199	56.2	0,22	0.115 – 0.422	**<0,05**
Cán bộ quản lý	198	48.6	209	51.4	0,947	0.189 – 4.748	>0,05
Cơ sở vật chất, tài liệu đào tạo	177	46.5	204	53.5	0,289	0.125 – 0.66	**<0,05**
Kinh phí đào tạo phù hợp	109	41	157	59	0,415	0.274 – 0.628	**<0,05**
Hiệu quả đào tạo	154	46.4	178	53.6	0,626	0.383 – 1.023	>0,05

Nhận xét:

Bảng 3.5. cho thấy có mối liên quan giữa lĩnh vực học tập của học viên với kết quả đánh giá ĐTLT với 4 tiêu chí thuộc hoạt động ĐTLT bao gồm: (1) Mục tiêu và nội dung đào tạo; (2) Giảng viên và phương pháp giảng; (3) Cơ sở vật chất, tài liệu đào tạo; (4) Kinh phí đào tạo phù hợp.

Phân tích tương tự cho thấy, có mối liên quan có ý nghĩa thống kê giữa nhóm tuổi, trình độ học vấn, nghề nghiệp, tình trạng việc làm, lĩnh vực học tập của học viên và kết quả đánh giá các nội dung thuộc hoạt động đào tạo liên tục (p<0,05).

4. BÀN LUẬN

4.1. Đặc điểm học viên

Phần lớn học viên tham gia ĐTLT ở độ tuổi dưới 30 (79,2%). Độ tuổi trung bình của học viên là 28,8 ± 8,08 tuổi với tuổi nhỏ nhất là 19 tuổi và lớn nhất là 60 tuổi. Tỷ lệ học viên có trình độ trung cấp (45,8%), kết quả này tương tự kết quả nghiên cứu Bùi Trung Dũng (2013), tỷ lệ trung cấp, cao đẳng chiếm 52% [22] và một số nghiên cứu khác [4], [5]. Đặc điểm học viên trong nghiên cứu cũng phù hợp với thực tế nhu cầu học tập của học viên trẻ tuổi và ở trình độ trung cấp, cao đẳng là lớn nhất.

Học viên chủ yếu tập trung ở khoá học với thời lượng đào tạo 3 tháng (87,2%). Học viên tham dự học tập trên 3 tháng chiếm tỷ lệ thấp (12,8%), vì trên thực tế, đa số các chương trình ĐTLT ở Bệnh viện Bạch Mai đều được thiết kế với thời lượng là 03 tháng với cấp độ đào tạo cơ bản.

4.2. Kết quả đào tạo của học viên

Xếp loại học tập cuối khoá của học viên phần lớn là khá (51,6%), sau đó là giỏi (20,8%) và trung bình khá (chiếm 18,6%). Kết quả này tương đồng với một số nghiên cứu đã công bố như nghiên cứu của Đỗ Doãn Lợi và cộng sự (2013) với tỷ lệ xếp loại khá (37,4%), loại giỏi (29,9%) và trung bình khá (17,5%) [19] và nghiên cứu của Phạm Thị Bích Mận (2008) với tỷ lệ xếp loại khá (44,5%), loại giỏi (25,8%) và trung bình (23,1%) [23]. Tỷ lệ học viên xếp loại không đạt rất thấp, điều này cho thấy chất lượng ĐTLT khá tốt và đa số học viên tiếp thu được lượng kiến thức/kỹ năng theo mục tiêu của mỗi khóa học.

Kết thúc các khoá học, đã phần học viên nhận định mức độ áp dụng kiến thức/kỹ năng được học vào công việc thực tế tại đơn vị từ 60-100%, tỷ lệ học viên nhận định áp dụng dưới 40% kiến thức/kỹ năng chỉ là 1,5%, điều này tương đối phù hợp với kết quả xếp loại học tập cuối khóa của học viên. Một số nguyên nhân dẫn đến việc áp dụng kiến thức/kỹ năng sau đào tạo vào thực tế công việc của học viên chưa cao như: (1) Có thể do ảnh hưởng của dịch Covid-19, một số hoạt động không thể triển khai theo kế hoạch học tập ban đầu; (2) Thiếu trang thiết bị y tế hoặc trang thiết bị y tế cũ" (18,4%); (3) Cơ sở hạ tầng chưa đáp ứng công việc (6,1%); (4) Thiếu kinh nghiệm thực hành lâm sàng. Những khó khăn này cũng tương tự với những ý kiến nhận xét cuối khóa trong báo cáo tổng kết các khoá đào tạo liên tục đã được tổ chức trong năm 2014 tại Bệnh viện Bạch Mai [3].

4.3. Đánh giá của học viên về hoạt động ĐTLT và một số yếu tố liên quan

Kết quả đánh giá của học viên về 07 tiêu chí thuộc hoạt động ĐTLT đều ở mức cao và rất cao (trên 80% học viên đánh giá đạt mức tốt). Có ba tiêu chí thuộc hoạt động ĐTLT có tỷ lệ học viên đánh giá tốt ở mức rất cao (trên 90%) là: Cán bộ quản lý đào tạo, tổ chức đào tạo và cơ sở vật chất, tài liệu đào tạo. Kết quả này có thể được lý giải là do bệnh viện đã áp dụng quy trình quản lý ĐTLT theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008 vào các khoá đào tạo, chương trình, tài liệu đào tạo được chuẩn hóa và cập nhật thường xuyên, đội ngũ giảng viên có trình độ, kinh nghiệm và kỹ năng cao, trang thiết bị hiện đại. Tuy nhiên, tiêu chí "Kinh phí đào tạo phù hợp" có tỷ lệ học viên đánh giá tốt chưa cao (73,1%), điều này cũng khá phù hợp vì đa số học viên ở lứa tuổi dưới 24 tuổi (53,0%) và số chưa đi làm vẫn chiếm tỷ lệ cao (42,9%).

Nghiên cứu cho thấy, có mối liên quan có ý nghĩa thống kê giữa nhóm tuổi, trình độ học vấn, nghề nghiệp, tình trạng việc làm, lĩnh vực học tập của học viên và kết quả đánh giá các nội dung thuộc hoạt động đào tạo liên tục ($p<0,05$). Tỷ lệ đánh giá tốt của nhóm học viên trên 25 tuổi, có tình độ sau đại học, đại học, là bác sĩ đều thấp hơn nhóm học viên từ 25 tuổi, có trình độ đẳng, trung cấp, là điều dưỡng/kỹ thuật viên/khác, điều này cho thấy nhóm học viên là bác sĩ/có trình độ sau đại học, đại học/nhiều tuổi thường có yêu cầu cao hơn đối với hoạt động ĐTLT.

5. KẾT LUẬN

5.1. Kết quả đào tạo của học viên

Xếp loại học tập sau khóa học của học viên: 4,6% xuất sắc, 20,8% giỏi, 51,6% khá, 18,6% trung bình khá, 2,9% trung bình và 1,5% không đạt.

Tỷ lệ học viên nhận định sẽ áp dụng từ 60 đến 80% kiến thức/kỹ năng sau học vào công việc chiếm 42,4%, từ 80 đến 100% kiến thức/kỹ năng chiếm 34,6%, từ 40 đến 60% kiến thức/kỹ năng chiếm 18,4% và chỉ có 3,1% áp dụng dưới 40% kiến thức/kỹ năng sau học.

Tỷ lệ học viên đánh giá tốt về toàn bộ hoạt động ĐTLT ở mức cao: Trên 80%, trong đó, học viên đánh giá tốt về nội dung cán bộ quản lý (96,4%), nội dung cơ sở vật

chất, tài liệu (93,2%) và tổ chức đào tạo (93,5%) chiếm tỷ lệ cao nhất. Tỷ lệ học viên đánh giá tốt về nội dung kinh phí đào tạo phù hợp là thấp nhất (73,1%).

5.2. Xác định một số yếu tố liên quan

Có mối liên quan có ý nghĩa thống kê giữa nhóm tuổi, trình độ học vấn, nghề nghiệp, tình trạng việc làm trước học, lĩnh vực học tập của học viên và kết quả đánh giá các nội dung thuộc hoạt động đào tạo liên tục (p<0,05).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] Ministry of Health, Circular No. 22/2013/TT-BYT, dated 9/8/2013 of the Ministry of Health on guiding continuous training for health workers, 2013.

[2] Ministry of Health, Circular No. 26/2020/TT-BYT, dated 28/12/2020 of the Ministry of Health amending and supplementing a number of articles of Circular 22/2013/TT-BYT dated 9/8/2013 of the Minister of Health guiding the continuous training for health workers, 2020.

[3] Training and Directing Center - Bach Mai Hospital, Summary report on training activities. Summary at the end of 2014, 2014.

[4] Binh TY, The current situation of human resources, the need for continuous training for traditional medicine staff and the evaluation of the effectiveness of some intervention solutions, Doctor of Medicine Thesis, Hanoi Medical University, 2013.

[5] Oanh TP, Evaluation of continuous training activities at Bach Mai Hospital in 2017. Grassroots research at Bach Mai Hospital, 2017.